

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XVIII

Phẩm 8: PHẠM HẠNH 4

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là sự không thấy, biết của tất cả thế gian mà là chỗ thấy, biết của Bồ-tát? Đó là sáu niệm. Những gì là sáu? Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiện.

Này thiện nam! Thế nào là niệm Phật? Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn thường không biến đổi, đầy đủ Mười lực, Bốn vô sở úy, Đại sư tử hống, Đại Sa-môn, Đại Bà-la-môn, Đại Tịnh, hoàn toàn đạt đến bờ bên kia, đấng Vô năng thắng, đấng Vô kiến đánh, không còn sợ hãi, chẳng kinh chẳng động, một mình không bạn bè, vô sư tự ngộ, bậc thành tựu trí nhanh nhẹn, trí lớn, trí sắc bén, trí thâm sâu, trí giải thoát, trí bất cộng, trí rộng khắp, trí rốt ráo, Tượng vương trong loài người, Ngưu vương trong loài người, Long vương trong loài người, Trượng phu trong loài người, hoa sen, hoa phân-đà-lợi trong loài người, bậc Thầy Điều Ngự trong loài người, đại thế chủ, bậc Thầy của đại pháp; vì biết rõ các pháp nên gọi là đại Pháp sư, vì biết nghĩa nên gọi là đại Pháp sư, vì biết thời nên gọi là đại Pháp sư, vì biết đủ nên gọi là đại Pháp sư, vì biết ngã nên gọi là đại Pháp sư, vì biết đại chúng nên gọi là đại Pháp sư, vì biết đủ các chủng tánh của chúng sinh nên gọi đại Pháp sư, vì biết căn tánh lợi độn của chúng sinh nên gọi là đại Pháp sư, vì thuyết giảng Trung đạo nên gọi là đại Pháp sư.

Thế nào là Như Lai? Như sự thuyết giảng không thay đổi của

chư Phật trong quá khứ. Thế nào là không thay đổi? Chư Phật trong quá khứ vì cứu độ chúng sinh mà giảng nói Mười hai bộ loại kinh văn, Như Lai cũng vậy, nên gọi là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn từ Sáu pháp Ba-la-mật, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Mười một pháp không mà đến đại Niết-bàn, Như Lai cũng vậy cho nên gọi thật là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn vì cứu độ chúng sinh nên tùy nghi phương tiện chỉ bày ba thừa, sống lâu vô lượng không thể tính kể, Như Lai cũng vậy nên gọi Phật là Như Lai.

Thế nào gọi là Ứng? Pháp thế gian gọi là oan gia, Đức Phật đối trị pháp ấy nên gọi là Ứng. Bốn ma là oan gia của Bồ-tát. Chư Phật Như Lai khi làm Bồ-tát thường dùng trí tuệ để phá trừ bốn ma, nên gọi là Ứng. Lại Ứng là xa lìa, chư Phật khi còn làm Bồ-tát, phải xa lìa vô lượng phiền não, nên gọi là Ứng. Lại nữa, Ứng là an lạc, chư Phật trong quá khứ khi còn làm Bồ-tát, tuy ở trong vô lượng vô số kiếp vì cứu độ chúng sinh mà nhận chịu các khổ não, nhưng luôn luôn thấy an lạc, Như Lai cũng vậy gọi là Ứng. Lại gọi là Ứng thì tất cả hàng trời, người thường dùng đủ những thứ hương hoa, chuỗi ngọc, cờ phướn, âm nhạc, để cúng dường Như Lai nên gọi là Ứng.

Thế nào là Chánh Biến Tri? Chánh là chẳng điên đảo. Biến Tri là thông đạt hết bốn thứ điên đảo. Lại Chánh là khổ hạnh. Biến Tri là biết nhân khổ hạnh chắc chắn có quả khổ. Lại Chánh gọi là giữa thế gian. Biến Tri là hoàn toàn biết chắc chắn tu tập Trung đạo thì sẽ đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại Chánh là có thể đếm, có thể lường, có thể tính kể, Biến Tri là không thể đếm, không thể lường, không thể tính kể. Cho nên gọi Phật là Chánh Biến Tri. Nay thiện nam! Thanh văn, Duyên giác cũng có Biến Tri mà cũng chẳng Biến Tri. Vì sao? Vì Biến Tri là nói Năm ấm, Mười hai nhập, Mười tám giới. Thanh văn, Duyên giác cũng biết hết nên gọi là Biến Tri. Thế nào là chẳng Biến Tri? Nay thiện nam! Giả sử hàng Nhị thừa trải qua vô lượng kiếp. quán sát một sắc ấm mà không thể biết hết. Do nghĩa này nên nói Thanh văn, Duyên giác không Biến Tri.

Thế nào là Minh Hạnh Túc? Minh là được vô lượng quả lành. Hạnh là bàn chân. Quả lành là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bàn chân là giới tuệ, nương nơi chân giới tuệ mà chứng Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại Minh là chú, Hạnh là kiết, Túc là quả. Đây thiện nam! Đó là nghĩa thế gian. Túc gọi là giải thoát, Kiết là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Quả gọi là Đại Niết-bàn, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại Minh gọi là quang, Hạnh gọi là nghiệp, Túc là quả. Đây thiện nam! Đó là nghĩa thế gian. Quang gọi là không phóng túng, Nghiệp gọi là sáu pháp Ba-la-mật, Quả là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại Minh là ba minh: Một là Bồ-tát minh, hai là chư Phật minh, ba là Vô minh minh. Bồ-tát minh tức là Bát nhã Ba-la-mật, chư Phật minh tức là Phật nhãn, Vô minh minh tức là rốt ráo không. Hạnh là trong vô lượng kiếp vì chúng sinh nên Bồ-tát tu tập các nghiệp thiện. Túc tức là thấy rõ Phật tánh. Do nghĩa này nên gọi là Minh Hạnh Túc.

Thế nào là Thiện Thệ? Thiện là cao, Thệ là không cao. Đây thiện nam! Đó là nghĩa thế gian. Cao gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không cao tức là tâm Như Lai. Đây thiện nam! Tâm nếu cao thì không gọi là Như Lai, cho nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại Thiện gọi là thiện tri thức, Thệ tức là quả của thiện tri thức. Đây thiện nam! Đó là nghĩa thế gian. Thiện tri thức là mới phát tâm, quả tức là Đại Bát Niết Bàn. Như Lai không bỏ sự phát tâm đầu tiên nên đắc Đại Niết-bàn. Vì thế Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại nữa, Thiện gọi là tốt, Thệ gọi là có. Đây thiện nam! Đó gọi là nghĩa thế gian. Tốt gọi là thấy Phật tánh, có gọi là Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Tánh Niết-bàn thật chẳng phải có. Chư Phật Thế Tôn vì thế gian nên nói là có. Đây thiện nam! Như người đời thật không có con mà nói là có con, thật không có đạo mà nói là có đạo. Niết-bàn cũng vậy, vì thuận theo thế gian nên nói là có Niết-bàn, chư Phật Thế Tôn thành tựu đại Niết-bàn nên gọi là Thiện Thệ.

Này thiện nam! Thế nào là Thế Gian Giải? Đây thiện nam! Thế Gian là nói năm ấm, Giải là biết rõ. Chư Phật Thế Tôn hoàn toàn biết về năm ấm nên gọi Phật là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian là nói năm dục, Giải là chẳng tham đắm, chẳng tham đắm năm dục nên gọi là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian Giải là có vô lượng vô số thế giới mà tất cả Thanh văn, Duyên giác chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, nhưng chư Phật đều biết, đều thấy, đều hiểu. Ở phương Nam,

phương Tây, phương Bắc, bốn phương, trên dưới cũng lại như vậy, cho nên Phật gọi là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian là tất cả chúng sinh, Giải là hiểu biết nhân quả thiện ác của phàm phu, mà hàng Thanh văn hay Duyên giác không thể biết được, chỉ có Phật mới có thể biết, nên gọi Phật là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian gọi là hoa sen, Giải gọi là không ô nhiễm. Này thiện nam! Đó là nghĩa thế gian. Hoa sen tức là Như Lai, không ô nhiễm tức là Như Lai, không bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, nên gọi Phật là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian Giải là chư Phật, Bồ-tát gọi là Thế Gian Giải. Vì sao? Vì chư Phật và Bồ-tát thấy rõ thế gian, nên gọi là Thế Gian Giải. Này thiện nam! Cũng như nhờ ăn mà được sống lâu, nên gọi ăn là mạng sống. Cũng vậy, chư Phật và Bồ-tát hiểu rõ thế gian, nên gọi là Thế Gian Giải.

Thế nào là Vô Thượng Sĩ? Thượng Sĩ gọi là đoạn, không đoạn gọi là Vô Thượng Sĩ, chư Phật Thế Tôn không có phiền não nên không có đoạn, vì thế gọi Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa, Thượng Sĩ gọi là tranh luận, Vô Thượng Sĩ là không tranh luận. Như Lai không tranh luận nên gọi Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là lời nói có thể bị phá hoại, Vô Thượng Sĩ là lời nói không thể phá hoại. Lời nói của Như Lai, tất cả chúng sinh không thể phá hoại được nên gọi Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ gọi là ngôi vị trên hết, Vô Thượng Sĩ là không có ngôi vị nào trên nữa, ba đời chư Phật không có ai vượt qua, nên gọi Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng là mới, Sĩ là cũ. Chư Phật Thế Tôn thể nhập Đại Niết-bàn không mới không cũ, nên gọi Phật là Vô Thượng Sĩ.

Thế nào là Điều Ngự Trượng Phu? Tự mình là trượng phu, lại điều phục trượng phu khác. Này thiện nam! Như Lai thật chẳng phải trượng phu, cũng chẳng phải không trượng phu, nhân vì điều phục trượng phu, nên gọi Như Lai là Trượng Phu. Tất cả người nam người nữ nào nếu đủ bốn pháp thì gọi là Trượng phu. Những gì là bốn? Một là thân cận bậc Thiện tri thức, hai là có thể nghe pháp, ba là tư duy về nghĩa lý, bốn là như lời nói mà thực hành. Này thiện nam! Nếu người nam, người nữ nào đầy đủ bốn pháp này thì gọi là trượng phu. Này thiện nam! Nếu có người nam nào không có bốn pháp này thì

không được gọi là Trượng phu. Vì sao? Vì thân tuy là trượng phu mà hành động đồng với súc sinh. Như Lai điều phục được người nam, người nữ nên gọi Phật là Điều Ngự Trượng Phu. Lại nữa, này thiện nam! Như người điều khiển ngựa có bốn cách: Một là xúc chạm đến lông, hai là xúc chạm đến da, ba là xúc chạm đến thịt, bốn là xúc chạm đến xương, tùy chỗ xúc chạm, ngựa sẽ theo ý muốn của người điều khiển. Như Lai cũng như vậy, dùng bốn phương pháp để điều phục chúng sinh: Một là vì chúng sinh mà giảng nói về sự sinh, khiến cho họ lãnh thọ lời Phật, như chạm vào lông ngựa, ngựa sẽ theo ý muốn của người điều khiển. Hai là thuyết giảng cho chúng sinh về sự sinh, già khiến cho họ lãnh thọ lời Phật, như chạm vào lông, da ngựa, ngựa sẽ theo ý của người điều khiển. Ba là thuyết giảng cho chúng sinh về sự sinh, già, bệnh khiến cho họ lãnh thọ lời Phật, như chạm vào lông, da, thịt của ngựa thì ngựa sẽ theo ý của người điều khiển. Bốn là thuyết giảng cho chúng sinh về sinh, già, bệnh, chết, khiến cho họ lãnh thọ lời Phật, như chạm vào lông, da, thịt, xương của ngựa, ngựa sẽ theo ý người điều khiển. Này thiện nam! Người điều khiển ngựa không có quyết định. Như Lai Thế Tôn điều phục chúng sinh quyết định không hư dối, cho nên gọi Phật là Điều Ngự Trượng Phu.

Thế nào là Thiên Nhân Sư? Sư có hai loại: Một là dạy điều thiện, hai là dạy điều ác. Chư Phật, Bồ-tát luôn dùng pháp thiện để giáo hóa chúng sinh. Những gì là pháp thiện? Đó là thân, miệng, ý đều thiện. Chư Phật, Bồ-tát dạy bảo chúng sinh như thế này: “Này thiện nam! Các ông nên xa lìa nghiệp bất thiện của thân. Vì sao? Vì nghiệp ác của thân nếu có thể xa lìa thì được giải thoát cho nên ta đem pháp này giảng dạy cho các ông. Nếu không xa lìa nghiệp ác mà được giải thoát, thì ta không bao giờ dạy bảo các ông phải xa lìa. Nếu chúng sinh xa lìa nghiệp ác rồi, mà còn đọa vào ba đường ác nữa, thì điều này không xảy ra. Nhờ xa lìa nghiệp ác nên thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đắc Đại Niết-bàn”. Vì thế cho nên chư Phật, Bồ-tát thường dùng pháp này để giáo hóa chúng sinh. Đối với nghiệp bất thiện của miệng và ý cũng như vậy, nên gọi Phật là Vô Thượng Sư. Lại nữa, xưa chưa chứng đạo, nay đã chứng đạo,

dùng đạo đã chứng để thuyết giảng cho chúng sinh, từ xưa đến nay chưa tu tập phạm hạnh, nay đã tu tập xong, đem sự tu tập của mình chỉ dạy cho chúng sinh. Tự mình phá trừ vô minh, lại phá trừ vô minh cho chúng sinh. Tự mình được mắt thanh tịnh, lại phá trừ mắt tối tăm cho chúng sinh, làm cho họ được mắt thanh tịnh. Tự mình biết rõ hai đế, lại giảng nói cho chúng sinh hiểu rõ hai đế. Tự mình giải thoát, lại thuyết pháp giải thoát cho chúng sinh. Tự mình vượt qua sông lớn sinh tử không bờ bến, lại làm cho chúng sinh đều được vượt qua. Tự mình không còn sợ hãi, lại chỉ dạy cho chúng sinh, làm họ không còn sợ hãi. Tự mình đạt Niết-bàn, lại giảng nói Đại Niết-bàn cho chúng sinh, vì thế nên gọi Phật là Vô Thượng Sư. Thiên là nói ban ngày, trên trời ngày dài đêm ngắn, nên gọi là Thiên. Lại Thiên là nói không sâu nã, thường được vui sướng nên gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên gọi là đèn sáng, có thể phá tan sự tối tăm, tỏa ánh sáng rộng lớn, nên gọi là Thiên. Cũng vì có thể phá bỏ nghiệp ác tối tăm, được nghiệp thiện, sinh lên cõi trời, nên gọi là Thiên. Lại Thiên là an lành, do an lành nên gọi là Thiên. Lại Thiên là mặt trời, có ánh sáng nên gọi là Thiên. Do những nghĩa này nên gọi là Thiên. Nhân là nói có nhiều ân nghĩa. Lại Nhân là thân, khẩu dụ dàng. Lại Nhân là có kiêu mạn. Lại Nhân là có thể diệt trừ kiêu mạn. Đây thiện nam! Chư Phật tuy là bậc Đại sư vô thượng của chúng sinh, nhưng trong kinh nói là Thiên Nhân Sư. Vì sao? Đây thiện nam! Vì trong tất cả chúng sinh, chỉ có hàng trời và người có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể tu mười đạo nghiệp thiện, có thể chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Phật-bích-chi, quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Phật gọi là Thiên Nhân Sư.

Thế nào là Phật? Phật gọi là Giác, đã tự giác ngộ mình, lại có thể giác ngộ cho người khác. Đây thiện nam! Như có người biết có giặc cướp thì giặc cướp không thể gây hại được. Đại Bồ-tát có thể biết rõ tất cả vô lượng phiền não, đã biết rõ rồi nên làm cho các phiền não không làm gì được, nên gọi là Phật. Vì giác ngộ nên không sinh, không già, không bệnh, không chết, nên gọi là Phật, là Bà-già-bà. Bà-già là phá, Bà là phiền não, có thể phá trừ phiền não

nên hiệu Bà-già-bà. Lại có thể thành tựu các pháp thiện, lại có thể khéo hiểu rõ nghĩa của các pháp, lại có công đức lớn không ai hơn được, lại có danh tiếng vang khắp mười phương, lại có thể bố thí cùng khắp, lại trong vô lượng vô số kiếp dứt bỏ căn tánh người nữ. Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể niệm Phật như vậy thì trong những lúc đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc ban ngày, ban đêm, lúc sáng, lúc tối, thường được thấy Phật Thế Tôn. Này thiện nam! Sao gọi là Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cho đến gọi Bà-già-bà có vô lượng công đức tên gọi lớn như vậy? Này thiện nam! Đại Bồ-tát trước đây trong vô lượng vô số kiếp đã từng cung kính cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng, Thượng tọa, Trưởng lão. Lại trong vô lượng kiếp thường vì chúng sinh mà thực hành bố thí, giữ vững giới cấm, tu hạnh nhẫn nhục, thực hành tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả. Cho nên ngày nay được thân kim cang, đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Lại nữa, trước đây trong vô lượng vô số kiếp đã tu tập các căn trí, tấn, niệm, định, tuệ, đối với Sư trưởng thì cung kính cúng dường, thường vì lợi ích của pháp chứ không vì lợi dưỡng ăn uống. Hoặc Bồ-tát thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn, hoặc đọc hoặc tụng, thường vì chúng sinh khiến họ được giải thoát an ổn vui vẻ, mà Bồ-tát hoàn toàn không vì mình. Vì sao? Vì Bồ-tát thường tu tập tâm xuất thế gian, tâm xuất gia và tâm vô vi, tâm không tranh cãi, tâm không cấu uế, tâm không trói buộc, tâm không chấp trước, tâm không bị ngăn che, tâm không có gì mà không ghi nhớ, tâm không sinh tử, tâm không nghi ngờ, tâm không tham dục, tâm không sân giận, tâm không ngu si, tâm không kiêu mạn, tâm không nhớ bản, tâm không phiền não, tâm không khổ, tâm vô lượng, tâm quảng đại, tâm như hư không, tâm không, tâm không không, tâm không điều phục, tâm không thủ hộ, tâm không che giấu, tâm không thế gian, tâm thường định, tâm thường tu, tâm thường giải thoát, tâm không báo, tâm không nguyện, tâm thiện nguyện, tâm không lầm lẫn, tâm dịu dàng, tâm chẳng trụ, tâm tự tại, tâm vô lậu, tâm đệ nhất nghĩa, tâm bất thoái, tâm vô thường, tâm chánh trực, tâm không dua nịnh, tâm thuần thiện, tâm không nhiều hay ít, tâm không ngang ngạnh, tâm không phạm phu, tâm không Thanh văn,

tâm không Duyên giác, tâm thiện tri, tâm biết cỗi, tâm biết cỗi sinh ra, tâm biết cỗi trụ, tâm biết cỗi tự tại, cho nên nay được Mười trí lực, Bốn vô sở úy, Đại bi, Ba niệ m xứ, thường, lạc, ngã, tịnh. Vì vậy nên hiệu là Như Lai cho đến Bà-già-bà. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệ m Phật.

Thế nào là Đại Bồ-tát niệ m Pháp? Đây thiện nam! Đại Bồ-tát tư duy về giáo pháp tối diệu tối thượng mà chư Phật tuyên thuyết. Nhân nơi pháp ấy có thể khiến cho chúng sinh được quả hiện tại, chỉ có chánh pháp này không buộc thời gian, sự thấy của pháp nhãn không phải là sự thấy của nhục nhãn, hoàn toàn không thể dùng ví dụ để so sánh. Pháp này chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng trụ, chẳng diệt, chẳng thủy, chẳng chung, vô vi, vô số. Người không nhà cửa thì làm nhà cho họ, kẻ không chỗ quay về thì làm chỗ quay về, kẻ vô minh thì làm cho sáng suốt, người chưa đến bờ bên kia thì làm cho họ đến bờ bên kia, chỗ không có mùi thơm thì làm cho có mùi thơm vô ngại, không thể thấy làm cho thấy rõ. Pháp ấy không động, không chuyển, không dài, không ngắn, vĩnh viễn chấm dứt các vui mà được an vui hoàn toàn vi diệu. Pháp ấy chẳng phải sắc, đoạn sắc, mà cũng là sắc; cho đến chẳng phải thức, đoạn thức, mà cũng là thức; chẳng phải nghiệp, đoạn nghiệp, mà cũng là nghiệp; chẳng phải kiết, đoạn kiết, mà cũng là kiết; chẳng phải vật, đoạn vật, mà cũng là vật; chẳng phải giới, đoạn giới, mà cũng là giới; chẳng phải có, đoạn có, mà cũng là có; chẳng phải nhập, đoạn nhập, mà cũng là nhập; chẳng phải nhân, đoạn nhân, mà cũng là nhân; chẳng phải quả, đoạn quả, mà cũng là quả; chẳng phải hư, chẳng phải thật, đoạn tất cả thật, mà cũng là thật; chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, vĩnh viễn đoạn sinh diệt mà cũng là diệt; chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, đoạn tất cả tướng, mà cũng là tướng; chẳng phải dạy bảo, chẳng phải không dạy bảo, mà cũng là thầy; chẳng phải sợ hãi, chẳng phải an ổn, đoạn tất cả sợ hãi, mà cũng là an ổn; chẳng phải nhẫn, chẳng phải không nhẫn, hoàn toàn đoạn không nhẫn, mà cũng là nhẫn; chẳng phải dừng nghỉ, chẳng phải không dừng nghỉ, đoạn tất cả dừng nghỉ, mà cũng là dừng nghỉ; trên đỉnh của tất cả các pháp đều có thể đoạn hẳn tất cả phiền não, thanh tịnh vô tướng, hoàn toàn

vượt lên các tướng; là chỗ ở rất ráo của vô lượng chúng sinh, có thể diệt trừ tất cả ngọn lửa sinh tử; là chỗ lui tới của chư Phật, thường không biến đổi. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Pháp.

Thế nào là niệm Tăng? Chư Phật Thánh Tăng đúng như pháp mà an trú, thọ trì chánh pháp, tùy thuận tu hành, không thể nhìn thấy, không thể nắm giữ, không thể phá hoại, không thể nhiễu hại, không thể nghĩ bàn, là ruộng phước tốt cho tất cả chúng sinh. Tuy là ruộng phước nhưng không chỗ thọ lấy, thanh tịnh không dơ, vô lậu, vô vi, rộng lớn vô biên, tâm nhu hòa bình đẳng không hai, không bị làm vẩn đục, thường không biến đổi. Đó gọi là niệm Tăng.

Thế nào là niệm Giới? Bồ-tát suy nghĩ về giới, không phá, không lậu, không hoại, không tạp. Tuy không hình sắc nhưng có thể hộ trì. Tuy không xúc tiếp nhưng khéo tu tập các phương tiện, có thể đầy đủ không có lỗi lầm, được chư Phật và Bồ-tát khen ngợi. Đó là nhân của Đại Niết-bàn Đại Phương Đẳng. Đây thiện nam! Ví như mặt đất, ghe thuyền, chuỗi anh lạc, dòng họ lớn, biển lớn, nước tro, nhà cửa, dao kiếm, đường cầu, lương y, thuốc hay, thuốc A-dà-đà, ngọc báu Như ý, chân, mắt, cha mẹ, bóng mát, không ai có thể trộm cướp, nhiễu hại được, lửa không thể thiêu đốt, nước không làm trôi dạt, là bậc thang trèo lên núi cao, là cờ báu của chư Phật, Bồ-tát. Nếu an trú vào giới này thì chứng được quả Tu-đà-hoàn, ta cũng có phần này nhưng không mong cầu. Vì sao? Nếu ta chứng được quả Tu-đà-hoàn thì không thể độ thoát cho tất cả chúng sinh. Như an trú ở trong giới này thì chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta cũng có phần ấy, đó là chỗ mong muốn của ta. Vì sao? Nếu chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ta sẽ vì chúng sinh rộng thuyết pháp vi diệu để cứu độ. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Giới.

Thế nào là niệm Thí? Đại Bồ-tát quán sát thâm sâu bố thí này là nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chư Phật và Bồ-tát gần gũi tu tập bố thí như vậy, ta cũng gần gũi tu tập như thế. Nếu không bố thí thì không thể trang nghiêm bốn bộ chúng. Bố thí tuy không hoàn toàn đoạn được kiết sử, nhưng có thể phá trừ phiền não hiện tại. Nhờ nhân duyên bố thí nên thường được chúng sinh trong vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương khen ngợi. Đại Bồ-tát

bố thí thực phẩm cho chúng sinh, tức là bố thí mạng sống cho họ. Do quả báo này nên khi thành Phật thường không biến đổi. Do bố thí sự an vui nên khi thành Phật thường được an lạc. Khi Bồ-tát bố thí tài vật đúng pháp thì không xâm phạm người kia để cho người này, cho nên thành Phật được Niết-bàn thanh tịnh. Khi Bồ-tát bố thí khiến cho các chúng sinh không cầu mà được, cho nên thành Phật được tự tại. Nhờ nhân duyên bố thí đó khiến cho người khác được sức khỏe cho nên thành Phật chứng được mười lực. Nhờ nhân duyên bố thí khiến cho người khác nói được, cho nên thành Phật được bốn vô ngại. Chư Phật Bồ-tát tu tập hạnh bố thí này là nhân của Niết-bàn. Ta cũng như vậy, tu tập hạnh bố thí là nhân của Niết-bàn. Nói rộng hạnh bố thí như trong kinh Tạp Hoa.

Thế nào là niệm Thiên? Có cõi Tứ thiên vương đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Nếu có lòng tin thì được cõi Tứ thiên vương. Ta cũng có phần ấy. Nếu trì giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ thì được cõi Tứ thiên vương cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Ta cũng có phần, nhưng chẳng phải là điều mong muốn của ta. Vì sao? Vì cõi Tứ thiên vương đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng đều là vô thường. Vì vô thường cho nên có sinh, già, bệnh, chết. Do nghĩa này cho nên chẳng phải là điều Ta mong muốn. Như trò ảo hóa, lừa gạt người ngu. Người có trí không bị mê lầm. Như ảo hóa tức là cõi Tứ thiên vương đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Người ngu tức là tất cả phàm phu, ta không đồng với phàm phu ngu si. Ta từng nghe có trời Đệ nhất nghĩa, đó là chư Phật Bồ-tát thường không biến đổi. Vì thường trú nên không sinh, không già, không bệnh, không chết. Ta vì chúng sinh nên tinh tấn mong cầu trời Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì trời Đệ nhất nghĩa có thể khiến chúng sinh dứt trừ phiền não như cây Như ý. Nếu ta có tín cho đến có tuệ thì có thể đạt được cõi Đệ nhất nghĩa này. Ta sẽ vì chúng sinh giảng nói rõ về trời Đệ nhất nghĩa. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Thiên.

Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát chẳng phải thế gian, là điều mà thế gian chẳng thấy, chẳng hay biết, mà là chỗ thấy, hay biết của Bồ-tát. Này thiện nam! Nếu đệ tử Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói Mười hai bộ loại kinh văn và thọ trì, đọc tụng, biên chép,

diễn nói kinh Đại Niết-bàn v.v... đồng nhau không sai khác, thì nghĩa này không như vậy. Vì sao? Đây thiện nam! Vì Đại Niết-bàn là tạng bí mật thâm sâu của tất cả chư Phật Thế Tôn. Vì tạng bí mật thâm sâu của chư Phật là hơn tất cả. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên kinh Đại Niết-bàn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con cũng biết kinh Đại Niết-bàn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Bồ-tát, Bồ-đề, kinh Niết-bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Do nghĩa gì mà lại nói Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Đại Bồ-tát không có người dạy bảo mà có thể tự phát tâm Bồ-đề, đã phát tâm Bồ-đề rồi siêng năng tu hành tinh tấn. Giả sử lửa lớn đốt cháy thân, đầu, nhưng không bao giờ cầu cứu mà bỏ tâm niệm Pháp. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thường tự suy nghĩ: “Ta ở trong vô lượng vô số kiếp hoặc ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trong loài người, trên cõi trời, bị các thứ lửa kiết sử đốt cháy, nhưng chưa từng được một pháp quyết định, pháp quyết định ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay ta vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên không bao giờ tiếc thân mạng. Ta vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dầu phải nát thân như vi trần, ta cũng không bao giờ xả bỏ siêng năng tinh tấn. Vì sao? Vì tâm siêng năng tinh tấn là nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Bồ-tát này, chưa thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà có thể không tiếc thân mạng như thế, huống gì là thấy rồi, cho nên Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ-tát đã thấy sinh tử có vô lượng tội khổ, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Dù biết sinh tử có vô lượng tội khổ, nhưng vì chúng sinh nên ở trong đó chịu khổ mà không nhàm chán xa lìa, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát vì chúng sinh nên dù ở trong địa ngục, chịu các khổ não, nhưng vẫn an vui như ở cõi Thiên thứ ba, cho nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Ví như nhà Trưởng giả bị cháy, Trưởng giả thấy rồi

liền chạy ra khỏi nhà, các người con ở sau chưa thoát khỏi nạn lửa. Khi ấy Trưởng giả biết chắc là lửa sẽ làm hại, vì các con nên ông trở vào nhà để cứu, không kể sự nguy hiểm. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, dù biết sinh tử nhiều tội lỗi, nhưng vì chúng sinh nên ở trong sinh tử không nhàm chán, nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề, thấy trong sinh tử nhiều tội lỗi, tâm liền thoái lui, hoặc làm Thanh văn, hoặc làm Duyên giác. Nếu có Bồ-tát nghe kinh này thì không bao giờ thoái thất tâm Bồ-đề mà làm Thanh văn, Phật-bích-chi. Bồ-tát như vậy dù chưa đến địa Sơ bất động nhưng tâm vững chắc không thoái thất, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Nếu có người nói: “Ta có thể lợi qua biển lớn” thì lời nói như vậy, có thể nghĩ bàn được chăng?

–Bạch Thế Tôn! Lời nói như vậy hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì nếu người lợi qua được biển lớn thì chẳng thể nghĩ bàn, còn A-tu-la lợi qua được là có thể nghĩ bàn.

–Đây thiện nam! Ta chẳng nói A-tu-la, chỉ nói người thôi.

–Bạch Thế Tôn! Trong loài người cũng có người có thể nghĩ bàn và người không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Người cũng có hai loại: Một là Thánh nhân, hai là phàm phu. Hàng phàm phu thì chẳng thể nghĩ bàn. Bậc Thánh hiền thì có thể nghĩ bàn.

–Đây thiện nam! Ta nói phàm phu không nói Thánh nhân.

–Bạch Thế Tôn! Nếu phàm phu lợi qua biển lớn được thì thật là chẳng thể nghĩ bàn.

–Đây thiện nam! Phàm phu thật không thể lợi qua biển lớn được. Bồ-tát thật có thể qua khỏi biển lớn sinh tử, cho nên gọi là không thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Nếu có người có thể dùng sợi tơ của ngó sen treo núi Tu-di thì có thể nghĩ bàn chăng?

–Bạch Thế Tôn! Không thể.

–Đây thiện nam! Đại Bồ-tát trong khoảng một niệm có thể tính lường tất cả sinh tử, cho nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát trong vô lượng vô số kiếp thường quán sinh tử vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, rồi vì chúng sinh phân biệt diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh. Dẫu diễn nói như vậy nhưng không phải là tà

kiến, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Như người vào nước, nước không thể làm trôi đi, vào lửa lớn, lửa không thể làm cháy được, việc như vậy thì chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát cũng như vậy, dù ở chốn sinh tử nhưng không bị sinh tử nào hại, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Người có ba hạng: Thượng, trung và hạ. Người bậc hạ lúc mới nhập thai suy nghĩ: “Nay ta ở chỗ nhà xí đầy những hôi bẩn, chỗ quay về như chỗ bỏ xác chết, trong chỗ gai góc, chốn rất tối tăm”. Lúc mới xuất thai nghĩ: “Nay ta ra khỏi chỗ nhà xí đầy hôi bẩn, cho đến ra khỏi chỗ tối tăm”. Người bậc trung suy nghĩ: “Nay ta vào nhà cửa phòng ốc, trong rừng cây bên dòng sông trong sạch”. Lúc xuất thai cũng vậy. Người bậc thượng suy nghĩ: “Ta lên cung điện ở trong rừng hoa, cưỡi voi, phi ngựa, trèo lên núi cao”. Lúc xuất thai cũng vậy. Hàng Bồ-tát khi mới nhập thai tự biết là nhập thai, khi ở thì biết ở, khi ra thì biết ra, hoàn toàn không sinh tâm tham, sân, nhưng chưa lên địa Sơ trụ, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật không thể dùng ví dụ để so sánh. Này thiện nam! Tâm cũng không thể dùng phương tiện thí dụ để so sánh, nhưng đều có thể nói. Đại Bồ-tát không có thầy thưa hỏi, không nơi học tập mà có thể đắc pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đắc pháp này rồi tâm không nuôi tiếc, thường diễn nói cho chúng sinh, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có việc thân xa lìa chẳng phải miệng. Có việc miệng xa lìa chẳng phải thân. Có việc chẳng phải thân, chẳng phải miệng mà cũng xa lìa. Việc thân xa lìa là xa lìa sự giết hại, trộm cướp, dâm dục, đó gọi là thân xa lìa chẳng phải miệng. Việc miệng xa lìa là xa lìa nói dối, nói hai lưỡi, nói lời hung ác, nói lời vô nghĩa, đó gọi là miệng xa lìa chẳng phải thân. Việc chẳng phải thân chẳng phải miệng xa lìa là lìa tham lam, ganh ghét, giận hờn, tà kiến. Này thiện nam! Đó là việc chẳng phải thân chẳng phải miệng mà cũng xa lìa. Này thiện nam! Đại Bồ-tát chẳng thấy một pháp nào là thân, là nghiệp cùng chủ thể xa lìa mà có sự xa lìa, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn, miệng cũng như vậy. Này thiện nam! Từ nơi thân xa lìa thân, từ nơi miệng xa lìa miệng, từ trí tuệ xa

lìa chẳng phải thân, chẳng phải miệng. Nay thiện nam! Thật có trí tuệ này nhưng không thể khiến Bồ-tát xa lìa. Vì sao? Nay thiện nam! Không có một pháp nào có thể hoại, có thể tạo tác, tánh của pháp hữu vi sinh khác, diệt khác. Vì thế nên trí tuệ này không thể xa lìa. Nay thiện nam! Trí tuệ không thể phá hủy, lửa không thể đốt cháy, nước không thể tan rã, gió không thể lay động, đất không thể duy trì. Sinh không thể sinh, già không thể già, trụ không thể trụ, hoại không thể hoại, tham không thể tham, sân không thể sân, si không thể si, vì tánh của pháp hữu vi lúc sinh khác, lúc diệt khác. Đại Bồ-tát hoàn toàn không nghĩ: Ta dùng trí tuệ này phá các phiền não, mà tự nói ta phá phiền não. Tuy nói như vậy nhưng chẳng phải hư vọng. Do vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con mới biết Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, kinh Đại Niết-bàn và người thọ trì, Bồ-đề Niết-bàn đều không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Pháp Phật vô thượng, thời gian bao lâu, gần hay xa thì sẽ diệt?

–Nay thiện nam! Nếu đệ tử của Ta có người thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói nghĩa của năm hạnh: Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bệnh hạnh, Anh nhi hạnh trong kinh Đại Niết-bàn thì được chúng sinh cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường, nên biết đó là thời kỳ pháp Phật chưa diệt. Nay thiện nam! Nếu kinh Đại Niết-bàn lưu hành đầy đủ thì biết đó là thời kỳ pháp Phật chưa diệt. Các đệ tử Ta phạm nhiều giới cấm, tạo nghiệp ác, không kính tin kinh điển này, vì không tin nên không thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói ý nghĩa của kinh này, nên không được mọi người cung kính cúng dường. Khi thấy người thọ trì thì lại hủy báng khinh chê: “Ông là Lục sư, chẳng phải đệ tử Phật”. Nên biết đó là thời kỳ pháp Phật sắp diệt chẳng còn bao lâu.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con theo hầu Phật nghe Phật nói như vậy: “Chánh pháp của Đức Phật Ca-diếp trụ ở đời bảy ngày, sau diệt mất”. Bạch Thế Tôn! Phật Ca-diếp có kinh Đại Niết-bàn này không?

Nếu có sao lại nói diệt? Nếu như không thì sao nói kinh Đại Niết-bàn này là tạng bí mật của chư Như Lai?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Trước kia Ta nói chỉ có Văn-thù mới hiểu được nghĩa này. Nay Ta sẽ nói lại, ông hãy chí tâm lắng nghe. Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn có hai loại pháp: Một là thế pháp, hai là đệ nhất nghĩa pháp. Thế pháp thì có hoại diệt, Đệ nhất nghĩa pháp thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Hai là thường, lạc, ngã, tịnh. Vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh thì có hoại diệt, còn thường, lạc, ngã, tịnh thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là pháp của Nhị thừa thọ trì, hai là pháp của Bồ-tát thọ trì. Nhị thừa thọ trì thì có hoại diệt, Bồ-tát thọ trì thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là ngoại pháp, hai là nội pháp. Ngoại pháp thì có hoại diệt, nội pháp thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là hữu vi, hai là vô vi. Pháp hữu vi thì có hoại diệt, pháp vô vi thì không có hoại diệt. Lại có hai loại: Một là có thể đắc, hai là không thể đắc. Pháp có thể đắc thì có hoại diệt, pháp không thể đắc thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là cộng pháp, hai là bất cộng pháp. Cộng pháp thì hoại diệt, bất cộng pháp thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là trong loài người, hai là trong loài trời. Pháp trong loài người thì hoại diệt, pháp trong loài người thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là Mười một bộ loại kinh văn, hai là kinh Phương Đẳng. Mười một bộ loại kinh văn thì hoại diệt, kinh Phương Đẳng thì không hoại diệt. Này thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán kinh Phương Đẳng thì nên biết đó là thời kỳ pháp Phật không hoại diệt. Này thiện nam! Ông hỏi Như Lai Ca-diếp có kinh này chăng? Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn là tạng bí mật của tất cả chư Phật. Vì sao? Vì chư Phật tuy có Mười một bộ loại kinh văn, nhưng không nói Phật tánh, không nói Như Lai, thường, lạc, ngã, tịnh, không nói chư Phật Thế Tôn hoàn toàn không nhập Niết-bàn, cho nên kinh này gọi là tạng bí mật của Như Lai. Mười một bộ loại kinh văn không giảng nói nên gọi là tạng. Như bảy thứ báu của người không đem ra dùng nên gọi là tạng. Này thiện nam!

Người này sở dĩ cất giữ tài vật để dùng vào việc tương lai. Những gì là việc tương lai? Đó là lúa gạo khan hiếm, giặc đến xâm lăng, gặp vua hung dữ dùng để chuộc mạng. Hoặc đường giao thông bế tắc, tài vật khô cạn, đúng lúc mới đem ra dùng. Đây thiện nam! Tạng bí mật của Như Lai cũng như vậy. Vào đời vị lai, các Tỳ-kheo ác chứa vật bất tịnh, vì bốn chúng nói Như Lai hoàn toàn nhập Niết-bàn, đọc tụng sách vở thế gian, không cung kính kinh Phật. Khi những điều ác như vậy hiện ra ở đời, Như Lai vì muốn diệt trừ các điều ác này để khiến họ xa lìa lợi dưỡng tà mạng nên Như Lai vì họ mà diễn nói kinh này. Nếu khi tạng bí mật của kinh điển này bị diệt mất, không còn xuất hiện nữa, thì nên biết đó là thời kỳ pháp Phật diệt tận. Đây thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn thường trụ không biến đổi, thì sao ông lại hỏi thời Đức Phật Ca-diếp có kinh này không? Đây thiện nam! Vào thời Phật Ca-diếp đã có những chúng sinh ít tham dục, nhiều trí tuệ, Đại Bồ-tát nhu hòa dễ giáo hóa, có oai đức lớn không quên Tổng trì, như đại Tượng vương, cõi nước thanh tịnh. Tất cả chúng sinh đều biết Như Lai hoàn toàn nhập Niết-bàn, mà thường trụ không biến đổi. Tuy có kinh điển này nhưng không nên diễn nói. Đây thiện nam! Chúng sinh đời này nhiều phiền não ngu si, sân giận, không có trí tuệ, nhiều nghi ngờ, không tạo lập niềm tin, cõi nước không thanh tịnh. Tất cả chúng sinh đều cho rằng Như Lai vô thường biến đổi, hoàn toàn nhập Đại Niết-bàn, cho nên Như Lai diễn nói kinh này. Đây thiện nam! Giáo pháp của Đức Phật Ca-diếp thật chẳng diệt mất. Vì sao? Vì thường trụ không biến đổi. Đây thiện nam! Nếu có chúng sinh đối với ngã thấy có vô ngã, vô ngã thấy ngã; thường thấy vô thường, vô thường thấy thường; lạc thấy không lạc, không lạc thấy lạc; tịnh thấy bất tịnh, bất tịnh thấy tịnh; diệt thấy không diệt, không diệt thấy diệt; tội thấy chẳng phải tội, chẳng phải tội thấy tội; tội nhẹ thấy nặng, tội nặng thấy nhẹ; thừa thấy chẳng phải thừa, chẳng phải thừa thấy thừa; đạo thấy chẳng phải đạo, chẳng phải đạo thấy đạo; thật là Bồ-đề thấy chẳng phải Bồ-đề, thật chẳng phải Bồ-đề lầm thấy Bồ-đề; khổ thấy chẳng phải khổ, tập thấy chẳng phải tập, diệt thấy chẳng phải diệt, thật thấy chẳng phải thật; thật là Thế đế thấy Đệ nhất nghĩa đế, Đệ nhất nghĩa đế thấy là

thế đế; trở về thấy chẳng phải trở về, chẳng phải trở về thấy trở về; cho lời Phật thuyết là ma thuyết, thật là lời ma cho là lời Phật, thì vào thời kỳ như thế, Đức Phật mới nói kinh Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Thà nói vôi của con muỗi dài tận đáy biển lớn, chứ không nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói dùng miệng thổi tan hoại núi Tu-di, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói dùng dây tơ buộc chặt luồng gió mạnh, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói trong lửa Khư-đà-la mọc hoa sen, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói thuốc A-dà-đà là độc dược, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói có thể làm cho mặt trăng nóng, mặt trời lạnh, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói bốn đại đều bỏ tánh của nó, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt.

Này thiện nam! Nếu có Đức Phật ra đời, chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng chưa có đệ tử hiểu nghĩa sâu xa này, mà Đức Phật kia liền Niết-bàn, thì nên biết chánh pháp đó không tồn tại lâu dài ở đời. Này thiện nam! Nếu Đức Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử hiểu nghĩa sâu xa, mà Đức Phật dù nhập Niết-bàn, thì nên biết chánh pháp đó vẫn tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Đức Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tuy có đệ tử hiểu nghĩa sâu xa, nhưng không có hàng bạch y đàn-việt dốc lòng cung kính tôn trọng pháp Phật, mà Đức Phật liền nhập Niết-bàn, thì nên biết chánh pháp đó không tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Đức Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử hiểu nghĩa sâu xa và có nhiều bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng, kính trọng pháp Phật, thì tuy Phật nhập Niết-bàn, ông nên biết, pháp Phật vẫn tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi có các đệ tử hiểu nghĩa sâu xa và tuy có bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng kính trọng pháp Phật mà các đệ tử diễn nói kinh pháp với mục đích tham cầu lợi dưỡng chứ không vì Niết-bàn thì nên biết, khi Phật diệt độ chánh pháp không tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử hiểu

nghĩa sâu xa, lại có bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng kính trọng pháp Phật, các đệ tử diễn nói kinh pháp không vì tham cầu lợi dưỡng, chỉ mong cầu Niết-bàn thì nên biết, tuy Phật diệt độ nhưng chánh pháp vẫn tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tuy có đệ tử hiểu nghĩa sâu xa, lại có hàng bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng kính trọng pháp Phật mà hàng đệ tử phát sinh nhiều sự tranh cãi với nhau về phải, trái thì nên biết, khi Phật nhập Niết-bàn chánh pháp không tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử hiểu nghĩa sâu xa, lại có hàng bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng kính trọng pháp Phật, các đệ tử ấy tu tập pháp hòa kính, không tranh cãi nhau về trái, phải, mà tôn trọng lẫn nhau, thì ông nên biết, Phật tuy Niết-bàn nhưng pháp Phật vẫn tồn tại lâu không diệt mất. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tuy có đệ tử hiểu nghĩa sâu xa, lại có hàng bạch y đàn viết dốc lòng tin tưởng, kính trọng pháp Phật, các đệ tử kia vì Đại Niết-bàn mà diễn nói chánh pháp, cung kính lẫn nhau không sinh tranh luận, nhưng lại chứa tất cả vật bất tịnh, lại tự khen mình chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, thì nên biết, khi Phật diệt độ chánh pháp không tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử hiểu rõ nghĩa sâu xa, lại có hàng bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng, kính trọng pháp Phật, các đệ tử kia vì Đại Niết-bàn mà giảng nói kinh pháp, khéo tu pháp hòa kính, tôn trọng lẫn nhau, không cất chứa các vật bất tịnh, cũng không tự nói chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, thì nên biết, tuy Phật Thế Tôn có diệt độ nhưng chánh pháp vẫn tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử... cho đến không chứa vật bất tịnh, lại không tự nói chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, nhưng các đệ tử đều chấp kiến giải của mình, lập đủ thuyết khác nhau mà tự nói: “Này Trưởng lão! Giới của Phật chế, bốn giới trọng cho đến bảy pháp diệt tánh vì chúng sinh nên hoặc ngăn, hoặc mở, Mười hai bộ loại kinh văn cũng như vậy. Vì sao? Vì Phật biết

cõi nước thời gian khác nhau, căn tánh lợi độn của chúng sinh không đồng. Vì thế nên Như Lai hoặc ngăn, hoặc mở, có nặng nhẹ. Nay trưởng lão! Ví như lương y có những bệnh thì cho uống sữa, có những bệnh không cho uống sữa. Bệnh nhiệt thì cho uống, bệnh hàn thì cho ngăn. Cũng vậy, Như Lai quán sát căn bệnh phiền não của chúng sinh nên cũng mở cũng ngăn. Nay Trưởng lão! Đích thân tôi được nghe Phật nói nghĩa như vậy, chỉ có tôi biết nghĩa, ông không thể biết, chỉ có tôi hiểu luật, ông không hiểu, chỉ có tôi biết kinh, ông không thể biết”, thì nên biết, khi Đức Phật kia diệt độ, chánh pháp không tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Đức Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử cho đến không nói ta chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, cũng không nói chư Phật Thế Tôn vì chúng sinh cho nên hoặc ngăn hoặc mở mà nói: “Này trưởng lão! Đích thân tôi được nghe Phật thuyết nghĩa như vậy. Nay trưởng lão! Nên nương vào Mười hai bộ loại kinh văn của Như Lai, nghĩa này nếu đúng tôi sẽ thọ trì, nếu sai tôi sẽ hủy bỏ”, thì nên biết, tuy Đức Phật Thế Tôn kia nhập Niết-bàn nhưng chánh pháp vẫn tồn tại lâu ở đời. Này thiện nam! Lúc chánh pháp của Ta diệt có đệ tử Thanh văn hoặc nói có thần, hoặc nói không có thần, hoặc nói có trung ấm, hoặc nói không có trung ấm, hoặc nói có ba đời, hoặc nói không có ba đời, hoặc nói có ba thừa, hoặc nói không có ba thừa, hoặc nói tất cả đều có, hoặc nói tất cả đều không, hoặc nói chúng sinh có thủy có chung, hoặc nói chúng sinh không thủy không chung, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói nhân duyên là pháp vô vi, hoặc nói Như Lai có hành nghiệp bệnh khổ, hoặc nói Như Lai không có hành nghiệp bệnh khổ, hoặc nói Như Lai không cho Tỳ-kheo ăn mười loại thịt. Những gì là mười? Thịt người, thịt rắn, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt lừa, thịt sư tử, thịt heo, thịt chồn, thịt khỉ, vượn; ngoài những thứ này ra đều cho phép ăn. Hoặc nói tất cả các thứ thịt đều không cho ăn. Hoặc nói Tỳ-kheo không được làm năm việc. Những gì là năm? Không được bán các thứ như: nô lệ, dao, rượu, sữa đặc, dầu mè; ngoài những thứ này ra đều cho phép. Hoặc nói không cho vào năm nhà. Những gì là năm? Nhà đồ tể, nhà dâm nữ, quán rượu, cung vua,

nhà Chiên-đà-la; ngoài những nhà này ra đều cho phép. Hoặc nói không cho mặc y kiêu-xà-gia; ngoài ra tất cả đều cho. Hoặc nói Như Lai cho các Tỳ-kheo lãnh thọ và cất giữ y phục, thực phẩm, đồ nằm, trị giá mỗi thứ mười vạn lượng vàng, hoặc nói không cho. Hoặc nói Niết-bàn chính là kiết sử đã hết, không còn có pháp nào khác nên gọi là Niết-bàn. Ví như lấy chỉ dệt gọi là y, y đã hư rách thì gọi là không y, thật không có pháp gì khác gọi là không y, thể của Niết-bàn cũng như vậy. Nay thiện nam! Đang trong thời kỳ đó, các đệ tử Ta nói chánh thì ít mà nói tà thì nhiều, thọ chánh pháp thì ít, thọ tà pháp thì nhiều, thọ lời Phật thì ít, thọ lời ma thì nhiều. Nay thiện nam! Bấy giờ trong nước Câu-diêm-di có hai đệ tử: Một là La-hán, hai là phá giới. Đồ chúng của người phá giới gồm năm trăm người, đồ chúng của La-hán gồm có một trăm vị. Người phá giới nói: “Như Lai hoàn toàn nhập Niết-bàn, chính tôi nghe nghĩa này từ Đức Phật nói. Như Lai đã chế bốn pháp trọng nếu trì cũng được, phạm cũng không tội. Nay tôi cũng đắc quả A-la-hán và bốn trí vô ngại, mà A-la-hán cũng phạm bốn pháp trọng như vậy. Bốn pháp trọng nếu thật là tội thì bậc A-la-hán hoàn toàn không nên phạm. Như Lai lúc còn tại thế bảo giữ gìn chặt chẽ, đến khi nhập Niết-bàn thì đều phóng xả”. Vị A-la-hán bảo Tỳ-kheo phá giới: “Này trưởng lão! Ông không nên nói Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn. Tôi biết Như Lai thường còn không biết đổi. Như Lai còn ở đời hay sau khi nhập Niết-bàn, tội phạm bốn trọng cấm không có gì sai khác. Nếu nói A-la-hán phạm bốn tội trọng thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì bậc Tu-đà-hoàn còn không phạm huống gì A-la-hán, nếu trưởng lão nói mình là La-hán thì A-la-hán hoàn toàn không sinh tư tưởng mình là La-hán. A-la-hán chỉ nói pháp thiện, không nói pháp bất thiện. Những lời trưởng lão nói toàn là phi pháp. Nếu có người đọc được Mười hai bộ loại kinh văn thì biết chắc chắn trưởng lão chẳng phải A-la-hán”.

Nay thiện nam! Lúc ấy đồ chúng của vị Tỳ-kheo phá giới liền cùng nhau giết chết vị A-la-hán. Nay thiện nam! Bấy giờ, Ma vương nhân lúc tâm của hai chúng tức giận bèn làm hại cả sáu trăm vị Tỳ-kheo này. Khi ấy những kẻ phàm phu bảo nhau: “Thương thay pháp Phật nay đã diệt tận!”. Nhưng chánh pháp của Ta thật không diệt.

Bởi vì bấy giờ trong nước ấy có mười hai vạn Đại Bồ-tát khéo giữ gìn pháp của Ta thì làm sao nói pháp của Ta diệt được!

Bấy giờ, trong cõi Diêm-phù-đề chẳng có một Tỳ-kheo nào là đệ tử của Ta. Ma Ba-tuần dùng lửa lớn đốt cháy tất cả kinh điển hiện có. Trong đó có còn sót lại thì các Bà-la-môn cùng nhau trộm lấy, góp nhặt để vào trong kinh điển của mình. Vì nghĩa này nên những Bồ-tát nhỏ, khi Phật chưa ra đời, cùng nhau noi theo tin nhận lời của Bà-la-môn. Các Bà-la-môn tuy nói mình có trai giới, nhưng thật ra ngoại đạo chẳng có. Các hàng ngoại đạo tuy nói có ngã, lạc, tịnh nhưng thật không hiểu nghĩa ngã, lạc, tịnh, chỉ lấy một chữ, hai chữ, một câu, hai câu của pháp Phật nói là kinh điển của mình có nghĩa như vậy.

Khi ấy, trong rừng cây Ta-la song thọ thuộc thành Câu-thi-na, vô lượng, vô biên, vô số chúng nghe lời này xong đều cùng xướng lên:

–Thế gian rộng không! Thế gian rộng không!

Bồ-tát Ca-diếp bảo đại chúng:

–Các vị chớ buồn sâu, khóc lóc! Thế gian chẳng rộng không. Như Lai thường trụ không biến đổi, Pháp, Tăng cũng như vậy.

Bấy giờ, đại chúng nghe lời này xong, không còn khóc than nữa, đều cùng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

